

Số 01-KH/BCĐTW

KẾ HOẠCH

**hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) ban hành Kế hoạch hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt và cụ thể hoá nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hướng dẫn phối hợp triển khai, tạo sức mạnh tổng hợp, bảo đảm hành động quyết liệt, hiệu quả; xác định rõ các mũi nhọn chiến lược, phân công rõ trách nhiệm, vai trò của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và có chỉ tiêu đo lường được với cơ chế điều chỉnh linh hoạt phù hợp với thực tiễn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Nâng tầm năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó tỷ lệ đóng góp từ khu vực tư nhân ngày càng tăng, đạt mức cao trong khu vực; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân.

- Có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Nằm trong nhóm 20 nước dẫn đầu thế giới về phát triển và triển khai phổ cập các giải pháp AI (theo dõi qua các chỉ số của Tortoise Media, Stanford HAI, OECD...) mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại. Đến năm 2030, mỗi cơ quan, tổ chức có sử dụng tối thiểu 1 ứng dụng AI phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

b) Thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số và tăng trưởng

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tối thiểu 50% trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.

- Năng lực cạnh tranh số thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới, nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á.

c) Xây dựng Chính phủ số và quản trị hiện đại

- Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới, nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp trên 80%.

- Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

d) Phát triển xã hội số và nâng cao chất lượng sống

- Phát triển xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số ở mức cao của thế giới.
- Giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%.
- Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.
- Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

e) Hiện đại hoá hạ tầng và bảo đảm an toàn an ninh thông tin, dữ liệu

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến, phủ sóng 5G, 6G toàn quốc.

- Từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G...

- Phát động cách mạng dữ liệu: Giải phóng, kết nối và khai thác tiềm năng dữ liệu, hoàn thành một số cơ sở dữ liệu trọng yếu quốc gia.

- Thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

(Tham chiếu Phụ lục II để xem chi tiết các chỉ tiêu đo lường).

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2045

Xây dựng thành công nền khoa học, công nghệ tiên tiến, văn hoá đổi mới sáng tạo, khai thác cơ hội chuyển đổi số quốc gia góp phần đưa Việt Nam:

- Thuộc nhóm các quốc gia phát triển, có thu nhập cao với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc.

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP.

- Là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

- Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Người dân Việt Nam được chăm lo về sức khoẻ, học vấn, đời sống vật chất và tinh thần, môi trường sống sạch, hiện đại và văn minh.

- Thể chế hoàn thiện, nền quản trị hành chính quốc gia được đổi mới, minh bạch, có hiệu lực, môi trường pháp lý trong sạch, thông thoáng.

- Tiềm lực an ninh quốc phòng mạnh mẽ nhờ công nghệ hiện đại, xã hội ổn định.
- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc sử dụng công nghệ mới nhất.
- Hoàn thành cách mạng dữ liệu, đưa Việt Nam thành quốc gia giàu mạnh về dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu thế giới về phát triển và triển khai các giải pháp AI mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại.

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Nhằm bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, tiến độ Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra, tránh tình trạng phân tán nguồn lực, thiếu liên kết, trùng lặp gây lãng phí, Kế hoạch hành động chiến lược áp dụng cách tiếp cận mới theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Theo đó, các nhiệm vụ được tổ chức thành 6 Hệ thống, gồm: 5 Hệ thống Chiến lược trọng yếu¹ và Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng², gắn với các Sáng kiến đột phá³ có tính định hướng, dẫn dắt, bảo đảm đồng bộ, liên kết chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Các Hệ thống này vừa phản ánh đầy đủ các lĩnh vực trọng tâm được xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, vừa hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện, bền vững, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng, bao gồm:

1. Hệ thống đổi mới thể chế và quản trị quốc gia (Hệ thống 1)

a) Nội dung chính

Tập trung hiện đại hoá nền quản trị hành chính quốc gia thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ hiện đại, sử dụng hiệu quả, thống nhất dữ liệu quốc gia, kết hợp chặt chẽ với quá trình đổi mới thể chế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính quyền nhờ áp dụng công nghệ số và phát huy tư duy đổi mới, sáng tạo. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực bảo vệ quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mới.

b) Vai trò chiến lược

Hệ thống chiến lược này tạo lập nền tảng pháp lý, chính sách và cơ chế quản trị quốc gia hiện đại, có hiệu lực, hiệu quả cao, có tính đột phá và độ mở, đồng thời tạo môi trường thuận lợi và tháo gỡ các rào cản thể chế, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của tất cả các Hệ thống chiến lược khác. Chính phủ số được xây dựng và vận hành theo hướng ngày càng hiệu quả hơn, dịch vụ công cung cấp tới người dân

¹ Hệ thống Chiến lược trọng yếu là các hệ thống bao quát các lĩnh vực then chốt của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm tính toàn diện, có thể đo lường rõ ràng kết quả thực tiễn; tạo giá trị cộng hưởng tổng thể thông qua kết nối chặt chẽ và phối hợp đồng bộ trong hệ thống và giữa các hệ thống.

² Hệ thống Dự án Đặc biệt quan trọng gồm các dự án có mục tiêu cụ thể, quy mô lớn, có tính đột phá, tác động lan toả mạnh mẽ tới phát triển kinh tế - xã hội, được ưu tiên tập trung nguồn lực quốc gia để triển khai quyết liệt, hiệu quả, tạo động lực phát triển nhanh, bền vững.

³ Các sáng kiến đột phá là các nhiệm vụ mũi nhọn cụ thể trong các Hệ thống Chiến lược trọng yếu và Hệ thống Dự án Đặc biệt quan trọng, giữ vai trò định hướng, khi xây dựng các dự án, chương trình để triển khai các nhiệm vụ cụ thể; nhiều sáng kiến có thể được thực hiện đồng thời trong cùng một dự án; có tính linh hoạt, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

được nâng cao chất lượng rõ rệt, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, qua đó củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân. An ninh, quốc phòng được tăng cường sức mạnh nhờ ứng dụng các công nghệ tiên tiến với chi phí hợp lý, bảo đảm ổn định xã hội, chủ động ứng phó hiệu quả trước mọi diễn biến, thách thức cả trong nước và quốc tế.

c) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 1: Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tháo gỡ triệt để mọi rào cản về cơ chế, chính sách nhằm mở đường cho phát triển bền vững, nhanh chóng và hiệu quả.

- Sáng kiến 2: Xây dựng mô hình quản trị quốc gia dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Sáng kiến 3: Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ an ninh, quốc phòng dựa trên các nền tảng trí tuệ nhân tạo và người máy (robot), công nghệ tích hợp giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới.

2. Hệ thống phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ (Hệ thống 2)

a) Nội dung chính

Tập trung thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) và chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo, triển khai Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược, tận dụng hiệu quả các cơ hội công nghệ mới trên thế giới như: Bán dẫn, vật liệu tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, công nghệ gen, năng lượng sạch, thiết bị thông minh. Đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ mới kết hợp với các công cụ chuyển đổi số vào mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm xây dựng và phát triển một nền công nghiệp nội sinh, có khả năng tự chủ về công nghệ, tạo ra giá trị gia tăng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Vai trò chiến lược

Hệ thống chiến lược này nhằm hình thành và phát triển phương thức sản xuất mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thông qua việc phát triển công nghệ lõi, làm chủ tri thức và xây dựng hệ sinh thái công nghiệp công nghệ cao, hệ thống này tạo nền tảng vững chắc giúp Việt Nam chủ động tham gia, thích ứng linh hoạt và ứng phó hiệu quả với các bất ổn, cạnh tranh gay gắt trong môi trường kinh tế - thương mại toàn cầu.

c) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 4: Bán dẫn và vật liệu tiên tiến - Tập trung nghiên cứu thiết kế vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến và kiểm thử trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, kết hợp nghiên cứu phát triển vật liệu mới có tính năng vượt trội.

- Sáng kiến 5: Chương trình năng lượng quốc gia - Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, tiết kiệm năng lượng, đa dạng hoá các nguồn cung năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng hạt nhân, tái tạo, xây dựng các mạng lưới điện thông minh,

hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống năng lượng quốc gia, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển công nghiệp.

- Sáng kiến 6: Nền tảng chia sẻ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo quốc gia - Phát triển kiến trúc tích hợp dữ liệu tiết kiệm chi phí, xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu và phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tiếng Việt.

- Sáng kiến 7: Hệ sinh thái sở hữu trí tuệ và chuyển giao tri thức và công nghệ - Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường và doanh nghiệp.

- Sáng kiến 8: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và áp dụng mô hình sản xuất thông minh trong doanh nghiệp - Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường nội địa cho sản phẩm công nghệ "Make in Vietnam".

- Sáng kiến 9: Chương trình công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng và hiện đại: Tập trung phát triển UAV, robot thông minh, vệ tinh cỡ nhỏ lưỡng dụng, chú trọng các công nghệ không gian, tiếp cận công nghệ thông tin lượng tử và cảm biến lượng tử ứng dụng trong truyền tin và thu thập dữ liệu có mức độ an toàn cao. Phát triển các sản phẩm lưỡng dụng, có khả năng chuyển giao cho dân dụng sau 5 - 10 năm, coi giá trị chuyển giao là tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án.

3. Hệ thống an sinh và phúc lợi (Hệ thống 3)

a) Nội dung chính

Tập trung xây dựng hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội hiện đại, hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm người dân hạnh phúc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp và an toàn. Hệ thống này bao gồm các ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực then chốt như y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, bảo hiểm, lao động - việc làm, nhà ở, môi trường, nông nghiệp... nhằm từng bước hình thành hệ sinh thái an sinh xã hội toàn diện, chất lượng cao, tiếp cận dễ dàng, phục vụ tốt nhất cho mọi người dân.

b) Vai trò chiến lược

Hệ thống chiến lược này bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo nền tảng quan trọng để phát triển xã hội văn minh, bền vững. Nhờ ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, mọi người dân đều có cơ hội được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội hiện đại với chất lượng ngày càng cao, có việc làm phù hợp, được chăm lo toàn diện, đặt nền móng cho một xã hội ổn định, nhân văn và phát triển lâu dài.

c) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 10: Y tế thông minh - Phát triển hệ thống y tế thông minh, toàn diện, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khoẻ hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.

- Sáng kiến 11: Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, phát triển hệ thống học tập mọi lúc, mọi nơi, hỗ trợ cá nhân hoá việc học dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo.

- Sáng kiến 12: Nông nghiệp bền vững và thông minh - Phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập bền vững cho nông dân.

- Sáng kiến 13: Môi trường xanh và đô thị thông minh - Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh, nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu thông minh bằng ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

- Sáng kiến 14: Phong trào "Bình dân học vụ số" - Phát động phong trào phổ cập kỹ năng số, bao gồm cả kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số quốc gia.

- Sáng kiến 15: Phát triển con người Việt Nam hạnh phúc - Kiến tạo một nền văn hoá mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số. Xây dựng văn hoá học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hoá, đạo đức. Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

4. Hệ thống hạ tầng thông tin và dữ liệu (Hệ thống 4)

a) Nội dung chính

Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí", triển khai mạnh mẽ Cuộc cách mạng dữ liệu quốc gia, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, tạo nguồn lực mới cho phát triển, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu có về dữ liệu.

b) Vai trò chiến lược

Hệ thống hạ tầng thông tin và dữ liệu giữ vai trò nền tảng thiết yếu trong tiến trình xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Đây là yếu tố quyết định bảo đảm sự kết nối liên thông, đồng bộ giữa các hệ thống công nghệ thông minh, các dịch vụ số và các nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Đồng thời là động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo lập môi trường phát triển mới dựa trên dữ liệu và công nghệ trí tuệ nhân tạo.

c) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 16: Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện đại.

- Sáng kiến 17: Điện toán đám mây và Trung tâm dữ liệu quốc gia - Xây dựng hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu an toàn, hiệu quả, có khả năng mở rộng và chia sẻ linh hoạt trên quy mô toàn quốc.

- Sáng kiến 18: Nền tảng IoT quốc gia - Phát triển các nền tảng kết nối, quản lý, phân tích dữ liệu thiết bị thông minh trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần xây dựng hệ sinh thái đô thị thông minh và kinh tế số.

- Sáng kiến 19: Cách mạng dữ liệu quốc gia - Giải phóng dữ liệu, thiết lập cơ chế kết nối, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu như tư liệu sản xuất mới, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững.

- Sáng kiến 20: Cách mạng công nghệ cơ yếu bảo đảm an toàn thông tin - Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thế hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia.

5. Hệ thống năng lực sáng tạo và văn hoá đổi mới (Hệ thống 5)

a) Nội dung chính

Tập trung xây dựng hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn diện, lấy con người làm trung tâm, tri thức làm nền tảng và văn hoá đổi mới sáng tạo làm động lực, chú trọng việc thu hút và phát triển nhân tài khoa học công nghệ. Hệ sinh thái này được cấu thành bởi 3 trụ cột quan trọng:

(1) Mạng lưới nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Là nơi hội tụ các nguồn lực tri thức tiên tiến, làm chủ công nghệ lõi, phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ đột phá. Coi trọng nghiên cứu, đào tạo và phổ cập khoa học cơ bản làm nền tảng cho ứng dụng và phát triển công nghệ nội sinh.

(2) Nguồn nhân lực chất lượng cao: Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, đẳng cấp quốc tế, giàu trí tuệ và đam mê sáng tạo và cống hiến, có khả năng giải quyết các bài toán lớn của quốc gia, phát triển tư duy mở và năng lực đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực.

(3) Văn hoá đổi mới sáng tạo: Hình thành tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám thay đổi và chấp nhận rủi ro, thúc đẩy ý chí tiên phong, sẵn sàng vượt khỏi vùng an toàn để khám phá các hướng đi mới, tạo giá trị mới cho xã hội và nền kinh tế.

b) Vai trò chiến lược

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành phương thức sản xuất mới, có tác động sâu rộng tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Đây không chỉ là công cụ tạo ra tri thức, công nghệ và sản phẩm mới mà còn là tư duy mới, nguồn năng lượng tinh thần, thúc đẩy khát vọng vươn lên, tinh thần khai phá, sáng tạo không ngừng của con người trong công cuộc cải tạo tự nhiên, xã hội và phát triển kinh tế bền vững, phục vụ mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc.

c) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 21: Mạng lưới Trung tâm nghiên cứu xuất sắc và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung - Hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyên gia công nghệ hiện đại, thúc đẩy hợp tác viện nghiên cứu, trường, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm công nghệ.

- Sáng kiến 22: Thu hút và ươm tạo tài năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo - Xây dựng cơ chế đặc thù, môi trường làm việc đẳng cấp quốc tế, chính sách đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút, phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ trong và ngoài nước.

- Sáng kiến 23: Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai - Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ và máy tính thế hệ mới, từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ gốc. Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, tạo nền tảng cho các đột phá về trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn.

- Sáng kiến 24: Nền tảng thông tin và tri thức khoa học công nghệ dùng chung - Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ quốc gia, ứng dụng AI hỗ trợ nghiên cứu khoa học và sáng tạo.

- Sáng kiến 25: Văn hoá đổi mới - Xây dựng hệ thống giá trị, môi trường và cơ chế thúc đẩy tinh thần sáng tạo, tôn vinh đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lan toả văn hoá đổi mới trong toàn xã hội. Phát triển đội ngũ doanh nhân công nghệ; văn hoá doanh nhân công nghệ; xây dựng văn hoá trách nhiệm xã hội, phổ cập tri thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học.

6. Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6)

a) Nội dung chính

Tập trung huy động và ưu tiên nguồn lực quốc gia để tổ chức triển khai thành công một số dự án công nghệ quy mô lớn, có tính đột phá, sản phẩm cụ thể, mang lại tác động mạnh mẽ tới phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các bài toán lớn, mang tính chiến lược của đất nước.

Việc lựa chọn và phê duyệt các dự án đặc biệt quan trọng được thực hiện trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng xu hướng và kinh nghiệm quốc tế, năng lực nội tại của Việt Nam, dự báo nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, xác định vị trí tối ưu của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, bảo đảm tính khả thi và đánh giá toàn diện về hiệu quả và tác động.

b) Vai trò chiến lược

Các dự án đặc biệt quan trọng là động lực chiến lược, tạo ra kết quả đột phá và sức lan toả mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Việc triển khai các dự án này không chỉ nhằm tạo ra các tri thức, công nghệ tiên tiến, sản phẩm công nghệ cao, mà còn góp phần hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao năng lực tổ chức trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó tạo ra sự chuyển biến vượt bậc về kinh tế, xã hội và nhận thức trong toàn xã hội. Các dự án này sẽ tạo ra những kết quả thực tiễn rõ nét, truyền cảm hứng và tạo đà cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược trong những giai đoạn tiếp theo.

c) Cơ chế đặc thù cho các dự án đặc biệt quan trọng

- Các dự án đặc biệt quan trọng có thể là các dự án mới hoặc được lồng ghép với các dự án quốc gia đã được phê duyệt, được đề xuất tham gia hệ thống các dự án đặc biệt quan trọng. Nội dung cụ thể, mục tiêu, sản phẩm của từng dự án sẽ được các cơ quan chủ trì xây dựng thành các đề án chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Được bảo trợ, giám sát trực tiếp và tạo điều kiện thuận lợi tối đa về cơ chế, chính sách, tháo gỡ rào cản, thử nghiệm các mô hình mới trong quản lý và triển khai.

- Trưởng ban và các thành viên Ban Quản lý dự án được tuyển chọn công khai, minh bạch, bảo đảm năng lực, phẩm chất đạo đức, tính liêm chính, đồng thời được hưởng chế độ đãi ngộ cạnh tranh tương xứng với yêu cầu và trách nhiệm công việc.

- Các cơ chế đặc thù áp dụng cho các dự án đặc biệt quan trọng sẽ được nghiên cứu, tổng kết, nhanh chóng hoàn thiện và thể chế hoá trong khung luật pháp để áp dụng rộng rãi cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược quốc gia.

d) Sáng kiến đột phá

- Sáng kiến 26: AI quốc gia - Hình thành trung tâm đầu não về nghiên cứu, đào tạo và thử nghiệm AI, có cơ chế đặc thù, liên kết quốc tế, tự chủ tài chính; phát triển mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) dành riêng cho tiếng Việt và bối cảnh văn hoá Việt, phục vụ ứng dụng AI vào giáo dục, pháp lý, y tế, hành chính công; thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình, giải pháp AI trong môi trường pháp lý được kiểm soát, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo; tích hợp chương trình AI trong các cấp học, mở rộng đào tạo đại trà kỹ năng AI cơ bản cho học sinh - sinh viên; tạo quỹ AI quốc gia, mời gọi các tập đoàn công nghệ đầu tư cùng Chính phủ phát triển nền tảng AI hạ tầng, AI điện toán đám mây, siêu máy tính AI; phát triển nguồn nhân lực thiết kế, sản xuất chip AI chuyên dụng, làm chủ công nghệ đóng gói tiên tiến phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Sáng kiến 27: Công nghệ gen chữa bệnh - Làm chủ công nghệ gen và AI trong y học chính xác, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ người dân; hợp tác quốc tế nghiên cứu, phát triển công nghệ AI trong thiết kế thuốc và phác đồ điều trị một số bệnh phổ biến, bảo đảm tiếp cận các thành tựu y học hiện đại.

- Sáng kiến 28: Công nghệ năng lượng nguyên tử - Làm chủ công nghệ lưu trữ, vận chuyển chất phóng xạ và nghiên cứu, phát triển lò phản ứng nguyên tử cỡ nhỏ, bảo đảm an toàn và phục vụ dân sinh hướng tới các vấn đề năng lượng tương lai, kỹ thuật thăm dò, chăm sóc sức khỏe, tạo giống mới.

- Sáng kiến 29: Công nghệ đường sắt cao tốc Bắc - Nam - Nghiên cứu, phát triển các công nghệ liên quan tới đường sắt cao tốc phù hợp với điều kiện địa hình, môi trường Việt Nam, gắn với phát triển các siêu đô thị thông minh.

- Sáng kiến 30: Công nghệ chế tạo thiết bị không người lái và robot phục vụ an ninh - quốc phòng và sản xuất tự động - Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi gồm công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, trí tuệ nhân tạo biên (Edge AI), định

vị - dẫn đường, an ninh mạng; thiết kế, chế tạo thiết bị không người lái, robot hiện đại, đa năng; phát triển hệ thống vệ tinh viễn thám và vệ tinh thông tin liên lạc quốc gia phục vụ an ninh - quốc phòng. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng dân sự, đặc biệt là phát triển robot làm việc tự động tại nhà máy, khu công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, hình thành mô hình nhà máy "không đèn - không người - làm việc liên tục", góp phần hiện đại hoá sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

III- GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ

1. Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược

Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Chủ động nắm bắt tình hình và kịp thời chỉ đạo chiến lược thông qua việc vận hành hiệu quả hệ thống báo cáo thời gian thực, gắn với hệ thống chỉ tiêu chiến lược.

- Tăng cường điều phối hoạt động của các bộ, ngành, địa phương thông qua hệ thống cấp uỷ các cấp, tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Chủ động rà soát, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời nghiên cứu, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thí điểm đặc thù (nếu cần thiết) để thúc đẩy hiệu quả triển khai.

2. Triển khai các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong các chương trình, dự án kinh tế, xã hội

- Các chương trình, dự án kinh tế, xã hội quốc gia có quy mô nhóm A, B phải có hợp phần ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời chỉ định Kiến trúc sư trưởng chuyên trách có đủ quyền hạn và năng lực chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện hợp phần này. Với các dự án nhóm A thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo Trung ương để tổng hợp, đánh giá chung kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Với các dự án nhóm B thì báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ hoặc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo phân cấp quản lý.

- Các chương trình, dự án kinh tế, xã hội đang triển khai có thể bổ sung hợp phần ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình, dự án và được đưa vào danh sách các hoạt động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo các cấp theo phân cấp quản lý để tổng hợp.

3. Bảo đảm tính đồng bộ hệ thống, phối hợp và tối ưu trong việc triển khai

- Mỗi Hệ thống chiến lược trọng yếu phải có 1 Tổng công trình sư⁴ để kết hợp giữa lãnh đạo chuyên môn và quản lý chương trình.

⁴ Tổng công trình sư chịu trách nhiệm về kiến trúc tổng thể của dự án, đưa ra quyết định kỹ thuật chiến lược, giải quyết các vấn đề kỹ thuật quan trọng, phê duyệt thay đổi thiết kế lớn; có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các kiến trúc sư trưởng trong quá trình triển khai thực hiện các dự án thuộc hệ thống.

- Các dự án đặc biệt quan trọng được tập trung mọi nguồn lực, được áp dụng thử nghiệm các cơ chế mới nhất, được các Tổng công trình sư hỗ trợ để hoàn thành đúng hạn với hiệu quả cao.

- Tổng công trình sư và trưởng ban quản lý dự án đặc biệt quan trọng có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

4. Nâng cao vai trò chủ động của các địa phương

- Phát huy vai trò chủ động của các địa phương trong việc xác định nhu cầu thực tiễn với tầm nhìn dài hạn; đề xuất các sáng kiến có tính đổi mới, tác động thực chất và phù hợp với điều kiện đặc thù. Chủ động bố trí, huy động và lồng ghép các nguồn lực để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động chiến lược.

- Tăng cường kết nối với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trên địa bàn và trong cả nước, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong triển khai nhiệm vụ. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu trách nhiệm điều phối, theo dõi tiến độ, đánh giá định kỳ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Khuyến khích hợp tác liên vùng giữa các địa phương và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để tiếp cận chuyên môn, công nghệ, nguồn lực và chia sẻ mô hình triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực thực thi, bảo đảm tính đồng bộ và lan toả trong thực hiện Kế hoạch trên toàn quốc.

5. Xây dựng chế độ quản trị hiện đại, trọng dụng nhân tài, đúng người, đúng việc

- Huy động sự tham gia của các chủ thể trong xã hội (cả khu vực công và tư) đề xuất và đăng ký triển khai các sáng kiến định hướng trong kế hoạch này, bảo đảm công khai, minh bạch gắn với trách nhiệm xem xét đánh giá của các cơ quan chức năng, Tổng công trình sư của hệ thống liên quan và thẩm quyền quyết định của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương. Thường trực Ban Chỉ đạo phân công thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện.

- Thiết lập hệ thống báo cáo, xử lý dữ liệu báo cáo sử dụng công nghệ hiện đại nhất, kèm quy trình phân tích, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

- Đề xuất và thực hiện các biện pháp điều chỉnh, tháo gỡ, khuyến khích phù hợp ngay khi xuất hiện những yếu tố bất lợi hoặc nguy cơ phát sinh rủi ro.

- Phân cấp và giao quyền chủ động cho các cơ quan chủ quản chương trình, dự án, lựa chọn Kiến trúc sư trưởng đi kèm chế độ đãi ngộ xứng đáng, nhằm thu hút và phát huy tốt nhất năng lực của đội ngũ này.

- Các Tổng công trình sư, trưởng ban quản lý dự án đặc biệt quan trọng và đội ngũ giúp việc được lựa chọn minh bạch, có năng lực và phẩm chất tốt, được đãi ngộ xứng đáng, tạo điều kiện làm việc tốt nhất và liêm chính.

- Quy định rõ trách nhiệm giải trình và trách nhiệm cá nhân của người trực tiếp phụ trách hệ thống, chương trình, dự án trước cơ quan chủ quản, Ban Chỉ đạo các cấp theo phân cấp quản lý và trước pháp luật.

Việc xác định tiêu chí, quy chế quản lý, chế độ làm việc, đãi ngộ và quy trình tuyển dụng đội ngũ này do Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, bảo đảm lựa chọn được những cá nhân có năng lực chuyên môn cao, kinh nghiệm, uy tín.

6. Xây dựng, ban hành và vận hành hiệu quả các cơ chế đặc thù

Các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương xây dựng và ban hành cơ chế đặc thù để triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động chiến lược, trong đó tập trung vào các nội dung:

- Khuyến khích mô hình hợp tác dân sự - quốc phòng nhằm đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, phát triển các sản phẩm lưỡng dụng; yêu cầu chuyển giao công nghệ sang dân dụng sau thời gian phù hợp và coi đây là tiêu chí đánh giá hiệu quả của dự án.

- Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức công lập trong xây dựng hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương thức hợp tác công tư; cho phép doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành, thương mại hoá kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập. Tăng cường áp dụng cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ và chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư, vận hành, khai thác và thương mại hoá kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập và các nền tảng đổi mới sáng tạo dùng chung.

- Áp dụng mức lương cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế để thu hút, giữ chân đội ngũ nhân tài, chuyên gia trình độ cao trong các chương trình, dự án quan trọng.

- Vận hành hiệu quả cơ chế quỹ, chương trình mục tiêu quốc gia đối với nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Cho phép đầu tư có chọn lọc ra nước ngoài đối với các công ty công nghệ cao, phục vụ mục tiêu chuyển giao công nghệ về trong nước, tận dụng lợi thế thị trường nội địa để hoàn thiện sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh toàn cầu.

- Quy trình thủ tục xét chọn sáng kiến dự án nêu trong kế hoạch này do Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

7. Thúc đẩy hợp tác quốc tế sâu rộng, hiệu quả, thực chất

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để thu hút các đối tác chiến lược lâu dài là các tập đoàn công nghệ cao đa quốc gia tham gia đầu tư, phát triển các hệ thống

chiến lược tại Việt Nam, nhất là hệ thống công nghiệp nội sinh và hệ thống trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đặt tại Việt Nam.

- Đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học uy tín trên thế giới, đồng thời bảo đảm bố trí nguồn lực tài chính xứng đáng để nghiên cứu, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ các lĩnh vực trọng yếu.

- Chủ động đàm phán, ký kết và triển khai các dự án nghị định thư hợp tác khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình quốc gia với các quốc gia đối tác chiến lược toàn diện; trong đó, ưu tiên việc bố trí vốn, cung cấp dữ liệu chọn lọc và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án hợp tác nghiên cứu, phát triển.

8. Ưu tiên triển khai trong giai đoạn đến năm 2030

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng nền tảng cho các Hệ thống chiến lược; tập trung nguồn lực để triển khai dứt điểm một số nhiệm vụ trọng điểm, có sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu rõ ràng và kết quả thực chất.

- Tạo lập và lan toả một số mô hình thành công tiêu biểu, đặc biệt là các dự án đặc biệt quan trọng và các cấu phần khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các siêu dự án quốc gia, nhằm tạo động lực và khí thế mới cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

- Nhanh chóng phát hiện và kịp thời tháo gỡ, xử lý triệt để các vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách phát sinh trong quá trình triển khai, trên tinh thần chủ động, sáng tạo và đột phá.

- Triển khai mạnh mẽ Cuộc cách mạng dữ liệu quốc gia, thúc đẩy việc giải phóng, chia sẻ và khai thác dữ liệu như một loại tư liệu sản xuất mới; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tiên tiến nhất để tạo ra các giá trị kinh tế mới.

- Phổ cập và thúc đẩy việc sử dụng AI trong toàn dân, nhằm nâng cao năng suất lao động trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh, hiệu quả.

- Thực hiện quản trị nhà nước dựa trên dữ liệu số và tự động hoá; ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; cung cấp dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính trên toàn quốc, nhằm giảm chi phí và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

9. Truyền thông đồng bộ, xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan truyền thông đại chúng trong việc xây dựng, sản xuất và phát sóng các chương trình đa phương tiện, truyền thông chuyên đề nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung, tinh thần và kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội.

- Xây dựng và lan toả văn hoá đổi mới sáng tạo, tôn vinh các giá trị mới, các điển hình tiên tiến, tấm gương dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới; từng bước thấm nhuần và lan toả tinh thần đổi mới sáng tạo tới từng gia đình, từng cộng đồng dân

cư và từng cấp chính quyền, tạo nên nền tảng tinh thần mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

IV- LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

Để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tập trung nguồn lực trong tổ chức thực hiện, Kế hoạch hành động chiến lược được triển khai theo các giai đoạn cụ thể, gắn liền với các nhiệm vụ trọng tâm đã được xác định trong Chương trình hành động của Chính phủ (Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 - gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP) và các kế hoạch, chương trình liên quan khác. Lộ trình này mang tính định hướng, sẽ được Ban Chỉ đạo Trung ương định kỳ xem xét, đánh giá và điều chỉnh linh hoạt trên cơ sở kết quả thực hiện, tình hình thực tiễn và những yếu tố mới phát sinh trong quá trình triển khai.

1. Giai đoạn 2025 - 2027: Xây dựng nền tảng, tạo đột phá ban đầu

Tập trung triển khai các nhiệm vụ cấp bách nhằm tạo lập nền móng vững chắc về thể chế, hạ tầng, nhận thức và khởi động các sáng kiến có tính lan toả cao. Mục tiêu trọng tâm:

- Hoàn thiện thể chế ưu tiên: Ban hành hoặc trình ban hành các luật, nghị định cốt lõi tháo gỡ điểm nghẽn cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, như: Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các luật thuế sửa đổi, các nghị định về đầu tư, tài chính, dữ liệu, PPP, cơ chế đặc thù... Tập trung vào các nhiệm vụ trong Mục II của Nghị quyết số 71/NQ-CP có thời hạn hoàn thành trong năm 2025 (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 1).

- Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị: Triển khai mạnh mẽ các chương trình truyền thông, đào tạo, phổ biến kiến thức; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục I của Nghị quyết số 71/NQ-CP.

- Khởi động xây dựng hạ tầng và nền tảng chủ chốt: Triển khai các kế hoạch phát triển hạ tầng số (5G, 6G, cáp quang, trung tâm dữ liệu quốc gia), nền tảng số quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi. Hoàn thành các nhiệm vụ lập kế hoạch, quy hoạch trong Mục III của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 4, Sáng kiến 16, Sáng kiến 17, Sáng kiến 18).

- Phát triển nguồn nhân lực ban đầu: Xây dựng và ban hành các đề án, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như AI, bán dẫn. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục IV của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 22).

- Thúc đẩy Chính phủ số và dịch vụ công: Tăng cường số hoá quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục V của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 2).

- Hỗ trợ doanh nghiệp bước đầu: Ban hành các tiêu chí, đề án hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số và phát triển doanh

nghiệp công nghệ số. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục VI của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 2, Sáng kiến 8).

- Thiết lập khung hợp tác quốc tế: Xây dựng các đề án, chương trình ngoại giao công nghệ, thiết lập khuôn khổ đối tác. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục VII của Nghị quyết số 71/NQ-CP.

- Khởi động Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6), trong đó ưu tiên triển khai ngay một số sáng kiến đột phá như: AI quốc gia, chuyển đổi số ngành Y tế, Giáo dục...

- Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tự động, chấm điểm KPI các hoạt động, giao dịch phát sinh trong hoạt động sinh hoạt, tham gia thủ tục hành chính để đánh giá người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, kết quả sản phẩm.

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp, tạo điều kiện cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Giai đoạn 2028 - 2030: Tăng tốc, mở rộng, đạt mục tiêu đến năm 2030

Giai đoạn này tập trung triển khai diện rộng, hoàn thiện các hệ thống và ứng dụng sâu rộng các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, trọng tâm là:

- Thực thi và hoàn thiện thể chế: Triển khai hiệu quả các luật, chính sách đã ban hành; tiếp tục rà soát, điều chỉnh thể chế dựa trên thực tiễn (trọng tâm: Hệ thống 1).

- Hiện đại hoá hạ tầng toàn diện: Phủ sóng 5G, 6G toàn quốc, vận hành hiệu quả các Trung tâm dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông suốt, hình thành hạ tầng IoT rộng khắp; đạt các chỉ tiêu về hạ tầng số (trọng tâm: Hệ thống 4).

- Phát triển mạnh mẽ công nghiệp tự chủ: Đạt các mục tiêu về tỉ trọng kinh tế số, TFP, xuất khẩu công nghệ cao. Hình thành các doanh nghiệp công nghệ số mạnh. Có sản phẩm cụ thể từ các công nghệ chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (trọng tâm: Hệ thống 2, Sáng kiến 4, Sáng kiến 6, Sáng kiến 8).

- Đột phá về năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đạt các mục tiêu về đầu tư R&D, nhân lực R&D, xếp hạng GII, số lượng tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế, công bố quốc tế, sáng chế. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 7, Sáng kiến 21, Sáng kiến 23, Sáng kiến 24, Sáng kiến 26).

- Hoàn thiện Chính phủ số và xã hội số: Đạt các mục tiêu về EGDI, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, HDI, kỹ năng số, công dân số; phát triển đô thị thông minh (trọng tâm: Hệ thống 1, Hệ thống 3, Sáng kiến 2, Sáng kiến 10, Sáng kiến 11, Sáng kiến 14, Sáng kiến 15).

- Nâng cao năng lực an ninh - quốc phòng: Đạt mục tiêu về xếp hạng an toàn thông tin mạng, làm chủ công nghệ lưỡng dụng, tự động hoá chỉ huy (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 3, Sáng kiến 9).

- Hoàn thành các Dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6) và các Sáng kiến đột phá giai đoạn 1: Đạt được các sản phẩm, kết quả cụ thể, tạo hiệu ứng lan toả mạnh mẽ.

- Mở rộng và làm sâu sắc hợp tác quốc tế: Thu hút đầu tư R&D, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần định hình các tiêu chuẩn và luật quốc tế.

- Đẩy mạnh đào tạo, phát triển mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 22).

3. Giai đoạn 2031 - 2045: Phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng

Trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm quá trình triển khai ở các giai đoạn trước, Ban Chỉ đạo Trung ương sẽ tổ chức đánh giá toàn diện kết quả thực hiện, làm căn cứ để điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hành động, xác định lộ trình và các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tình hình mới và yêu cầu phát triển của đất nước.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược cần bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết theo từng giai đoạn với các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm và mốc thời gian cụ thể; áp dụng các phương pháp quản lý dự án hiện đại, bao gồm cả việc đánh giá và quản lý rủi ro (sử dụng các công cụ như ma trận xác suất - tác động). Sau khi Kế hoạch hành động chiến lược được phê duyệt, các hướng dẫn triển khai chi tiết sẽ được ban hành.

1. Công tác chỉ đạo chiến lược, theo dõi đôn đốc đánh giá và tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế

a) Trách nhiệm của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương

- Chỉ đạo, định hướng, phê duyệt và tháo gỡ kịp thời các rào cản cho việc triển khai và điều chỉnh Kế hoạch hành động chiến lược khi cần thiết.

- Xem xét, chỉ đạo xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá do các cơ quan chủ quản hệ thống, chương trình, dự án đề xuất theo phân cấp quản lý.

- Xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực, các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương trong quá trình triển khai 6 Hệ thống chiến lược.

- Chỉ đạo giám sát, đánh giá kết quả tổng thể việc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược dựa trên Hệ thống Chỉ tiêu (KPIs) chiến lược.

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tiến độ và chất lượng các công trình trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược.

- Cho ý kiến về việc xác định tiêu chí, quy chế quản lý, chế độ làm việc, đãi ngộ và quy trình tuyển dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng; quy trình thủ tục xét chọn sáng kiến dự án nêu trong kế hoạch này trước khi Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương

- Chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo Trung ương về các chủ trương, giải pháp, sáng kiến đột phá, dự án gắn với lĩnh vực, địa bàn được phân công trực tiếp phụ trách, quản lý; bảo đảm các sáng kiến đột phá, dự án phù hợp với Kế hoạch hành động chiến lược và được tích hợp trong hệ thống theo dõi, báo cáo của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền theo đề xuất của các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án thuộc phạm vi được phân công phụ trách; đồng thời, đề xuất Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

- Chỉ đạo các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án thuộc phạm vi được phân công phụ trách báo cáo định kỳ hoặc đột xuất; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tiến độ, chất lượng công trình trong Kế hoạch hành động chiến lược để Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, phê duyệt.

c) Trách nhiệm của Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương

- Tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương; tiếp nhận báo cáo định kỳ, yêu cầu báo cáo đột xuất; tổ chức đánh giá, tổng hợp và xây dựng các báo cáo tổng kết hằng quý, hằng năm của Ban Chỉ đạo; hỗ trợ các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án theo phân cấp quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tiếp nhận những đề xuất, sáng kiến định hướng trong các hệ thống trọng yếu nêu tại Kế hoạch này từ các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề nghị các cơ quan chức năng xem xét đánh giá, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định; theo dõi giám sát quá trình triển khai.

- Hướng dẫn, cụ thể hoá, điều chỉnh linh hoạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch này và cập nhật trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tại địa chỉ <https://nq57.vn>.

- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm hỗ trợ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện các vấn đề chuyên môn liên quan đến Kế hoạch này.

- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm trình lãnh đạo Ban Chỉ đạo phê duyệt danh sách Tổng công trình sư, quy chế làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Tổng công trình sư và đội ngũ giúp việc.

d) Trách nhiệm của Hội đồng Tư vấn quốc gia

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có trách nhiệm tư vấn cho Ban Chỉ đạo Trung ương về chiến lược, lập kế hoạch, phương thức triển khai và nội dung thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược.

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có quyền đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động chiến lược; được tham gia các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu; được Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao.

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có trách nhiệm bảo mật thông tin trong quá trình tham gia hoạt động; đồng thời, được cử tham gia tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án khi có yêu cầu; tham gia xây dựng, soạn thảo các báo cáo chuyên môn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Trách nhiệm của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các ban chỉ đạo

- Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Đảng uỷ Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược, phát huy tối đa vai trò trên các phương diện: Rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quyết định nguồn lực thực hiện theo thẩm quyền; tăng cường giám sát tối cao và phối hợp đồng bộ, tạo đồng thuận xã hội. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng văn hoá sáng tạo và đổi mới, hình thành hệ thống giá trị mới, tinh thần yêu khoa học, dám nghĩ, dám làm, tôn vinh tinh thần cống hiến, thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn xã hội. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo Chính phủ, các đảng bộ trực thuộc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược, thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo, phân công các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương; xây dựng các dự án, nhiệm vụ theo định hướng về các Hệ thống chiến lược thuộc Kế hoạch hành động chiến lược; phân công các bộ, ngành, địa phương xây dựng, xin ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương, và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Dự án đặc biệt quan trọng theo

thẩm quyền. Đồng thời, đảng uỷ các cấp có trách nhiệm chỉ đạo việc giám sát thường xuyên quá trình thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược tại cơ quan, địa phương, đơn vị; kịp thời phát hiện, thay thế các cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu kém, thiếu tầm nhìn, thiếu trách nhiệm hoặc không có tinh thần đổi mới, sáng tạo, nhằm bảo đảm hiệu lực lãnh đạo và hiệu quả triển khai theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc, Hội đồng tư vấn, giới thiệu hoặc quyết định việc lựa chọn Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng theo phân cấp quản lý; lãnh đạo, chỉ đạo cập nhật Kế hoạch hành động và xây dựng các nhiệm vụ, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn cơ quan, địa phương; định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo (để thực hiện),
- Các đồng chí thành viên Tổ Giúp việc,
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương (để thực hiện),
- Các cơ quan đảng ở Trung ương (để thực hiện),
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ (để thực hiện),
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

TRƯỞNG BAN



Tô Lâm

PHỤ LỤC I
Định hướng triển khai các sáng kiến đột phá
(Kèm theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025
của Ban Chỉ đạo Trung ương)

I- TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÀ ƯU TIÊN SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ

Việc lựa chọn, ưu tiên triển khai các Sáng kiến hiện có và xem xét, phê duyệt các Sáng kiến mới sẽ dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- *Mức độ phù hợp với chiến lược*: Có đóng góp rõ ràng, trực tiếp vào việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chiến lược phát triển quốc gia liên quan.

- *Tính đột phá và sáng tạo*: Mang lại sự mới mẻ, khác biệt đáng kể về công nghệ, mô hình kinh doanh, phương thức quản lý hoặc chính sách, có tiềm năng tạo ra bước nhảy vọt.

- *Tiềm năng tác động và lan toả*: Có khả năng tạo ra tác động lớn, tích cực và lan toả rộng rãi đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn, cấp bách của quốc gia.

- *Tính khả thi*: Có tính khả thi về mặt công nghệ, kỹ thuật, có thể huy động đủ nguồn lực (tài chính, nhân lực), đơn vị chủ trì có đủ năng lực triển khai và quản lý.

- *Tính cấp thiết và ưu tiên*: Giải quyết các vấn đề đang là điểm nghẽn, thách thức lớn hoặc nằm trong các lĩnh vực ưu tiên hàng đầu cần tạo đột phá ngay.

- *Khả năng huy động nguồn lực xã hội hoá*: Có tiềm năng thu hút sự tham gia đầu tư, đóng góp nguồn lực từ khu vực tư nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

II- KHUNG (TEMPLATE) ĐỀ XUẤT SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ

Để bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ thông tin và thuận lợi cho việc xem xét, thẩm định, các đề xuất Sáng kiến đột phá mới hoặc các đề xuất chi tiết hoá Sáng kiến đột phá trong danh mục ban đầu cần tuân thủ Khung cấu trúc sau:

KHUNG ĐỀ XUẤT SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ

- **Tên Sáng kiến đột phá**: (Ngắn gọn, thể hiện rõ bản chất).

- **Đơn vị đề xuất/chủ trì dự kiến**:

- **Đơn vị phối hợp chính**:

- **Sự cần thiết và cơ sở đề xuất**: (Phân tích bối cảnh, vấn đề cần giải quyết, căn cứ pháp lý/chủ trương).

- **Mục tiêu**: (Nêu rõ mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể theo tiêu chí SMART: Specific - Cụ thể, Measurable - Đo lường được, Achievable - Khả thi, Relevant - Liên quan, Time-bound - Có thời hạn).

- **Tính đột phá và sáng tạo:** (Làm rõ yếu tố mới, khác biệt về công nghệ, mô hình, giải pháp so với hiện tại).

- **Phạm vi và nội dung thực hiện chính:** (Mô tả các hợp phần, hoạt động cốt lõi).

- **Sản phẩm/kết quả đầu ra dự kiến:** (Các sản phẩm cụ thể: Công nghệ, quy trình, mô hình, chính sách, cơ sở dữ liệu, ứng dụng, sản phẩm thương mại hoá...).

- **Đóng góp vào hệ thống chiến lược và mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW:** (Ánh xạ rõ Sáng kiến/Dự án đóng góp vào Hệ thống nào và các Mục tiêu/Chỉ tiêu cụ thể nào của Nghị quyết số 57-NQ/TW).

- **Kế hoạch và lộ trình thực hiện:** (Các giai đoạn chính, thời gian dự kiến cho từng giai đoạn).

- **Dự kiến nguồn lực:**

+ *Tài chính:* Tổng kinh phí dự kiến, cơ cấu nguồn (ngân sách nhà nước, xã hội hoá, khác), đề xuất cơ chế tài chính (nếu cần đặc thù).

+ *Nhân lực:* Nhu cầu nhân lực chủ chốt, chuyên gia cần thu hút.

+ *Hạ tầng, trang thiết bị:* Nhu cầu (nếu có).

(cần đánh giá chi tiết về nguồn lực triển khai cho từng giai đoạn).

- **Các chỉ số đo lường kết quả chính (KPIs):** (Các chỉ số cụ thể để đo lường tiến độ và kết quả đạt được so với mục tiêu).

- **Rủi ro chính và giải pháp quản lý:** (Nhận diện các rủi ro tiềm ẩn và đề xuất biện pháp phòng ngừa, ứng phó).

- **Kiến nghị cụ thể (nếu có):** Về cơ chế, chính sách đặc thù... nhằm bảo đảm cho tính khả thi của việc triển khai sáng kiến.

III- DANH SÁCH ĐỊNH HƯỚNG CÁC SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ

A- Nhóm sáng kiến đổi mới thể chế và quản trị quốc gia

1. Sáng kiến 1: Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tháo gỡ triệt để mọi rào cản về cơ chế, chính sách nhằm mở đường cho phát triển bền vững, nhanh chóng và hiệu quả

- *Mục tiêu:* Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới hệ thống pháp luật, chính sách một cách đồng bộ, tiên phong để kiến tạo phát triển, khuyến khích sáng tạo, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống và quản lý hiệu quả các mối quan hệ mới phát sinh trong kỷ nguyên số và Cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Nội dung:* Xây dựng Luật về Công nghiệp Công nghệ số, Giao dịch điện tử (sửa đổi), Bảo vệ dữ liệu cá nhân... và sửa đổi đồng bộ các Luật liên quan; triển khai các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox); nghiên cứu và đề xuất các mô hình quản trị mới.

2. Sáng kiến 2: Xây dựng mô hình quản trị quốc gia dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo, nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

- *Mục tiêu:* Hiện đại hoá nền hành chính quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ công thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ dữ liệu số, dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo, góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Hoàn thiện thể chế, chính sách về quản trị dữ liệu và cung cấp dịch vụ số; phát triển các nền tảng phân tích dữ liệu lớn, ứng dụng AI hỗ trợ ra quyết định và tự động hoá quy trình nghiệp vụ; tối ưu hoá, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chủ động, lấy người dùng làm trung tâm; đẩy mạnh thanh toán điện tử; chi trả thông qua 100% tài khoản an sinh xã hội cho người dân chính xác, nhanh chóng, kịp thời; triển khai nền tảng số, dịch vụ số bảo đảm xác thực và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho các sản phẩm dịch vụ làm, nhà đất, nhà ở xã hội...

- *Tăng cường giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu:* Đào tạo, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức.

3. Sáng kiến 3: Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ an ninh, quốc phòng dựa trên các nền tảng trí tuệ nhân tạo và người máy (robot), công nghệ tích hợp giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới

- *Mục tiêu:* Tăng cường ứng dụng AI, Robotics, UAV và các công nghệ tính toán tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công thông minh và hiện đại hoá năng lực quốc phòng, an ninh.

- *Nội dung:* Phát triển hệ thống AI giám sát và phân tích dữ liệu hành chính - an ninh, trong đó tập trung phát triển nền tảng AI xử lý dữ liệu lớn phục vụ cảnh báo sớm về tội phạm, gian lận, thiên tai; xây dựng cơ sở dữ liệu huấn luyện AI cho quốc phòng - hành chính công; phát triển UAV tuần tra, quan sát tự động tại biên giới, vùng biển đảo, khu đô thị; phát triển robot phục vụ cứu hộ, hỗ trợ trong môi trường độc hại, hỗ trợ hành chính tại cơ quan nhà nước... Hợp tác xây dựng, dùng chung Hệ thống tính toán hiệu năng cao (High performance computing) giữa cơ quan nhà nước, viện trường, doanh nghiệp.

B- Nhóm sáng kiến phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ

4. Sáng kiến 4: Bán dẫn và vật liệu tiên tiến - Tập trung nghiên cứu thiết kế vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến và kiểm thử trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, kết hợp nghiên cứu phát triển vật liệu mới có tính năng vượt trội

- *Mục tiêu:* Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn (tập trung vào thiết kế, đóng gói, kiểm thử và một số công đoạn sản xuất) và làm chủ công nghệ một số vật liệu tiên tiến như bán dẫn thế hệ mới, vật liệu nano, vật liệu và cảm biến lượng tử, vật liệu thông minh phục vụ công nghiệp công nghệ cao và quốc phòng.

- *Nội dung:* Thành lập Trung tâm R&D quốc gia về bán dẫn và vật liệu mới; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ, các khu công nghệ thông tin tập trung để hình thành các cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hoá, hiệu quả cao và theo lợi thế của các địa phương, vùng, địa bàn trọng điểm; triển khai các chương trình đào tạo nhân lực chuyên sâu; có chính sách ưu đãi đặc biệt; hợp tác quốc tế.

5. Sáng kiến 5: Chương trình năng lượng quốc gia - Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, tiết kiệm năng lượng, đa dạng hoá các nguồn cung năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo, xây dựng các mạng lưới điện thông minh, hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống năng lượng quốc gia, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển công nghiệp

- *Mục tiêu:* Phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo (gió, mặt trời...), công nghệ lưu trữ và lưới điện thông minh, bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển công nghiệp và mục tiêu Net Zero.

- *Nội dung:* Quy hoạch và đầu tư phát triển nguồn điện sạch; Nghiên cứu công nghệ lưu trữ (pin, hydro); hiện đại hoá lưới điện; Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng, đặc biệt là năng lượng xanh phục vụ phát triển công nghiệp. Phát triển lưới điện thông minh (Smart Grid) trở thành cấu phần hạ tầng trọng yếu, bảo đảm phân phối tối ưu và an toàn năng lượng trong bối cảnh đẩy mạnh năng lượng tái tạo và điện hạt nhân.

6. Sáng kiến 6: Nền tảng chia sẻ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo quốc gia - Phát triển kiến trúc tích hợp dữ liệu tiết kiệm chi phí, xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu và phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo hỗ trợ Tiếng Việt

- *Mục tiêu:* Xây dựng các nền tảng AI dùng chung (đặc biệt là AI tạo sinh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên Tiếng Việt), thúc đẩy ứng dụng AI trong mọi lĩnh vực (kinh tế, xã hội, quản trị, an ninh), đồng thời phổ cập kiến thức và kỹ năng AI cơ bản cho người dân.

- *Nội dung:* Xây dựng hạ tầng dữ liệu chất lượng cao xuyên ngành, kiến trúc và tiêu chuẩn chất lượng dữ liệu quốc gia. Xây dựng nền tảng AI Tiếng Việt mã nguồn mở, kho dữ liệu lớn; triển khai các dự án ứng dụng AI trọng điểm; chương trình đào tạo và phổ cập AI quốc gia.

7. Sáng kiến 7: Hệ sinh thái Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ - Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường và doanh nghiệp

- *Mục tiêu:* Tạo lập môi trường và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, mua bán tài sản trí tuệ và thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa viện/trường và doanh nghiệp, phát triển thương hiệu quốc gia dựa trên khoa học và công nghệ.

- *Nội dung:* Hiện đại hoá hệ thống đăng ký và quản lý sở hữu trí tuệ; xây dựng sàn giao dịch công nghệ và sở hữu trí tuệ; phát triển các tổ chức trung gian (TTO); hoàn thiện chính sách về sở hữu trí tuệ và thương mại hoá; chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

8. Sáng kiến 8: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và áp dụng mô hình sản xuất thông minh trong doanh nghiệp - Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường nội địa cho sản phẩm công nghệ "Make in Vietnam"

- *Mục tiêu:* Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo cho doanh nghiệp, nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh, tạo thị trường nội địa cho các sản phẩm, giải pháp công nghệ "Make in Vietnam".

- *Nội dung:* Đồng hành chuyển đổi số và ứng dụng AI cho doanh nghiệp; triển khai mô hình hỗ trợ linh hoạt, thực chiến trên nền tảng số, với vốn mỗi từ nhà nước và cơ chế bền vững, giúp mọi doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhanh chóng tiếp cận, ứng dụng công cụ số và AI (từ cơ bản đến nâng cao), nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh. Qua đó, tạo thị trường nội địa cho các sản phẩm, giải pháp công nghệ "Make in Vietnam" và hình thành nền tảng vững chắc cho công nghiệp tự chủ.

9. Sáng kiến 9: Chương trình công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng và hiện đại: Tập trung phát triển UAV, robot thông minh, vệ tinh cỡ nhỏ lưỡng dụng, chú trọng các công nghệ không gian, tiếp cận công nghệ thông tin lượng tử và cảm biến lượng tử ứng dụng trong truyền tin và thu thập dữ liệu có mức độ an toàn cao. Phát triển các sản phẩm lưỡng dụng, có khả năng chuyển giao cho dân dụng sau 5 - 10 năm, coi giá trị chuyển giao là tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án

- *Mục tiêu:* Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại nhằm bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia và đóng góp vào phát triển kinh tế.

- *Nội dung:* Tập trung nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ lưỡng dụng ưu tiên như mã hoá tiên tiến, phân tích dữ liệu lớn, giám sát thông minh, robot thông minh. Xây dựng cơ chế hợp tác đặc thù giữa quốc phòng, an ninh và các trường viện doanh nghiệp dân sự, khuyến khích hợp tác công - tư (PPP). Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh.

C- Nhóm sáng kiến an sinh và phúc lợi xã hội

10. Sáng kiến 10: Y tế thông minh - Phát triển hệ sinh thái y tế thông minh, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khoẻ hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn

- *Mục tiêu:* Ứng dụng mạnh mẽ AI, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và khai thác tiềm năng dược liệu Việt Nam để nâng cao năng lực phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị (đặc biệt các bệnh hiểm nghèo), sản xuất dược phẩm và quản lý y tế, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn dân thông minh và hiệu quả.

- *Nội dung:* Chương trình R&D ứng dụng AI và Gen trong y học; phát triển nền tảng y tế số quốc gia; chương trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ dược liệu; hiện đại hoá ngành dược. Chương trình liên thông dữ liệu y tế từ bệnh viện, bảo hiểm, y học dự phòng trong hỗ trợ chẩn đoán - điều trị thông minh.

11. Sáng kiến 11: Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, phát triển hệ thống học tập mọi lúc, mọi nơi, hỗ trợ cá nhân hoá việc học dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo

- *Mục tiêu:* Xây dựng hệ sinh thái giáo dục số mở, linh hoạt, chất lượng cao với nền tảng MOOC quốc gia, hệ thống khảo thí, thi trực tuyến tin cậy (ứng dụng xác thực qua VNeID) và các công nghệ EdTech tiên tiến, thúc đẩy học tập suốt đời và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- *Nội dung:* Phát triển nền tảng MOOC quốc gia liên kết với các trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức đào tạo; xây dựng kho học liệu số dùng chung phong phú; khuyến khích phát triển các giải pháp EdTech (AI, VR/AR, STEM/STEAM...); xây dựng chuẩn và kiểm định chất lượng giáo dục số.

12. Sáng kiến 12: Nông nghiệp bền vững và thông minh - Phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập bền vững cho nông dân

- *Mục tiêu:* Ứng dụng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng xanh, bền vững, giá trị gia tăng cao, nâng cao thu nhập nông dân và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- *Nội dung:* Nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng; phát triển nền tảng quản lý canh tác thông minh, tưới tiêu tiết kiệm, cảnh báo sớm; chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông sản; phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ; công nghệ sau thu hoạch; công nghệ chế biến, đóng gói và thương mại điện tử quốc tế. Chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông sản; đổi mới, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, hoàn thiện, xử lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp bền vững; phát triển công nghệ sinh học, công nghệ cao trong nghiên cứu, sản xuất thuốc, vắc xin, chủ động giám sát, cảnh báo, ứng phó dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, phòng, chống kháng thuốc.

13. Sáng kiến 13: Môi trường xanh và đô thị thông minh - Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh, nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu thông minh bằng ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

- *Mục tiêu:* Ứng dụng công nghệ tiên tiến để giám sát, cảnh báo, xử lý ô nhiễm môi trường, quản lý tài nguyên hiệu quả và xây dựng các đô thị thông minh, xanh, đáng sống, có khả năng chống chịu.

- *Nội dung:* Hệ thống quan trắc môi trường tự động, thông minh; công nghệ xử lý rác thải, nước thải tiên tiến; nền tảng quản lý đô thị thông minh (IOC); giải pháp giao thông xanh, năng lượng đô thị hiệu quả. Giải pháp liên thông dữ liệu môi trường - đô thị theo thời gian thực và dự báo ô nhiễm, tối ưu giao thông, năng lượng và quy hoạch không gian xanh.

14. Sáng kiến 14: Phong trào "Bình dân học vụ số" - Phát động phong trào phổ cập kỹ năng số, bao gồm cả kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số quốc gia

- *Mục tiêu:* Toàn dân học và sử dụng các công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI).

- *Nội dung:* Sử dụng các hệ thống học liệu mở và cách thức lan toả học - dạy lại tổ chức đào tạo cho mọi đối tượng trong xã hội về kỹ năng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI), chú trọng học qua hành. Xây dựng mạng lưới tình nguyện viên số, Tổ Công nghệ số cộng đồng, trung tâm học tập cộng đồng số và mô hình "mỗi người dạy một người".

15. Sáng kiến 15: Phát triển con người Việt Nam hạnh phúc - kiến tạo một nền văn hoá mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số. Xây dựng văn hoá học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hoá, đạo đức. Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân

- *Mục tiêu:* Nâng cao chất lượng sống toàn diện và chỉ số hạnh phúc của người dân Việt Nam, phấn đấu đưa Chỉ số Phát triển Con người (HDI) đạt trên 0.8 vào năm 2035. Đồng thời, xây dựng con người Việt Nam phát triển hài hoà, biết cách tiếp thu, ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ hiện đại nhưng vẫn giữ gìn và phát huy tốt đẹp bản sắc văn hoá dân tộc.

- *Nội dung:* Tập trung vào việc kiến tạo một môi trường sống văn minh, sáng tạo, an toàn và giàu bản sắc văn hoá, trong đó tận dụng hiệu quả những tiến bộ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số để phục vụ con người. Thúc đẩy mạnh mẽ các mô hình học tập suốt đời, không chỉ trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết mà còn chú trọng bồi đắp các giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống cùng kỹ năng sống hạnh phúc. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai áp dụng bộ chỉ số đánh giá toàn diện về chất lượng sống và mức độ hạnh phúc của người Việt Nam, có tính đến các yếu tố đặc thù về văn hoá và xã hội. Phát huy tối đa vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như những công cụ đắc lực để nâng cao năng lực, sức khoẻ, năng suất lao động, cải thiện thu nhập, điều kiện sống, từ đó làm giàu đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân.

D- Nhóm sáng kiến hạ tầng và dữ liệu

16. Sáng kiến 16: Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện đại

- *Mục tiêu:* Xây dựng hạ tầng kết nối số quốc gia thế hệ mới, đồng bộ, hiện đại, bảo đảm phổ cập băng thông rộng tốc độ siêu cao (cố định và di động) đến mọi người dân, doanh nghiệp; làm chủ công nghệ mạng di động tiên tiến (5G-Advanced, hướng tới 6G) và tạo nền tảng vững chắc cho kết nối vạn vật (IoT), phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- *Nội dung:*

- + Đẩy mạnh đầu tư, phổ cập mạng cáp quang đến mọi hộ gia đình, tổ chức.
- + Triển khai, tối ưu mạng 5G/5G-Advanced trên toàn quốc, bảo đảm chất lượng và vùng phủ.
- + Nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm công nghệ 6G, tham gia tích cực vào quá trình chuẩn hoá quốc tế.
- + Xây dựng và triển khai các giải pháp kết nối chuyên dụng cho IoT (LPWAN, etc...) và nền tảng quản lý thiết bị IoT.
- + Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kết nối vệ tinh băng thông rộng cho vùng sâu, vùng xa, hải đảo.
- + Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và tính bền vững cho toàn bộ hạ tầng kết nối.

17. Sáng kiến 17: Điện toán đám mây và Trung tâm dữ liệu quốc gia - Xây dựng hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu an toàn, hiệu quả, có khả năng mở rộng và chia sẻ linh hoạt trên quy mô toàn quốc

- *Mục tiêu:* Bảo đảm chủ quyền dữ liệu, phục vụ chuyển đổi số quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững. Xây dựng và làm chủ hệ sinh thái Điện toán đám mây Chính phủ và các nền tảng Cloud "Made in Vietnam" mạnh mẽ; vận hành Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các DC vùng/ngành đạt chuẩn quốc tế, an toàn, hiệu quả.

- *Nội dung:* Hoàn thiện xây dựng và đưa vào vận hành DC Quốc gia; Phát triển các dịch vụ PaaS, SaaS trên nền tảng CGC; hỗ trợ doanh nghiệp Cloud Việt Nam nâng cao năng lực; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn Cloud và DC.

18. Sáng kiến 18: Nền tảng IoT quốc gia - Phát triển các nền tảng kết nối, quản lý, phân tích dữ liệu thiết bị thông minh trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần xây dựng hệ sinh thái đô thị thông minh và kinh tế số

- *Mục tiêu:* Xây dựng nền tảng IoT quốc gia mở, an toàn và có khả năng kết nối hàng tỉ thiết bị, thúc đẩy chuyển đổi số ngành dọc và tạo nền tảng dữ liệu cho các ứng dụng AI, thúc đẩy ứng dụng IoT trong các ngành kinh tế - xã hội và xây dựng thành phố thông minh.

- *Nội dung:* Phát triển nền tảng IoT mở, tích hợp các công nghệ kết nối, xử lý dữ liệu và bảo mật. Xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho IoT. Ưu tiên ứng dụng IoT trong: Nông nghiệp thông minh, công nghiệp 4.0, giao thông thông minh, năng lượng thông minh, y tế thông minh, quản lý đô thị thông minh. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thiết bị và ứng dụng IoT "Make in Vietnam".

19. Sáng kiến 19: Cách mạng Dữ liệu quốc gia - Giải phóng dữ liệu, thiết lập cơ chế kết nối, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu như tư liệu sản xuất mới, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững

- *Mục tiêu:* Phát triển các nguồn dữ liệu, biến dữ liệu thành tài nguyên chiến lược và tư liệu sản xuất quốc gia thông qua việc hoàn thiện, kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu và xây dựng các nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu hiệu quả, an toàn.

- *Nội dung:* Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các nguồn dữ liệu có chất lượng; hoàn thiện kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi; xây dựng Cổng Dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) với nhiều bộ dữ liệu mở chất lượng cao; phát triển Nền tảng Phân tích Dữ liệu quốc gia; xây dựng và vận hành Sàn giao dịch dữ liệu; hoàn thiện thể chế về dữ liệu. Xây dựng Đề án phát triển kinh tế dữ liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nghiên cứu, triển khai các Khu công nghiệp về dữ liệu.

20. Sáng kiến 20: Cách mạng công nghệ cơ yếu bảo đảm an toàn thông tin - Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thể hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia

- *Mục tiêu:* Phát triển và làm chủ hoàn toàn công nghệ cơ yếu lượng tử, hậu lượng tử để bảo đảm an toàn thông tin quốc gia ở mức độ siêu bảo mật, có khả năng chống lại các cuộc tấn công lượng tử, bảo vệ vững chắc chủ quyền số và ưu tiên triển khai trong các hệ thống trọng yếu.

- *Nội dung:* Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thể hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử, bao gồm nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi về mã hoá phân phối khoá lượng tử (QKD) và các thuật toán mật mã hậu lượng tử (PQC). Phát triển các thuật toán, phần mềm lượng tử, giải pháp lai hoá lượng tử - cổ điển và các thiết bị cơ yếu chuyên dụng. Ưu tiên ứng dụng các giải pháp cơ yếu thể hệ mới trong các hệ thống dữ liệu lớn, hệ thống điều hành, giám sát trọng yếu và các nền tảng cung cấp dịch vụ số thiết yếu nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin ở mức độ cao, góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia. Đào tạo đội ngũ chuyên gia hàng đầu; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện hành lang pháp lý cho công nghệ cơ yếu lượng tử và hậu lượng tử.

E- Nhóm sáng kiến năng lực sáng tạo và văn hoá đổi mới

21. Sáng kiến 21: Mạng lưới trung tâm nghiên cứu xuất sắc và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung - Hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyên

giao công nghệ hiện đại, thúc đẩy hợp tác trường, viện, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm công nghệ

- *Mục tiêu:* Hình thành và nâng cấp mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo (NIC, RIC...) và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung trở thành hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và R&D quốc gia.

- *Nội dung:* Đầu tư xây dựng/nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; thu hút các nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường liên kết viện, trường, doanh nghiệp tại các trung tâm/phòng thí nghiệm; xây dựng cơ chế tự chủ, vận hành hiệu quả.

22. Sáng kiến 22: Thu hút và ươm tạo tài năng khoa học, công nghệ - Xây dựng cơ chế đặc thù, môi trường làm việc đẳng cấp quốc tế, chính sách đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút, phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ trong và ngoài nước

- *Mục tiêu:* Xây dựng và triển khai các chương trình quy mô quốc gia nhằm phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển các tài năng trẻ, các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và AI.

- *Nội dung:* Các chương trình học bổng đặc biệt; các vườn ươm tài năng; cơ chế đãi ngộ, môi trường làm việc hấp dẫn; mạng lưới kết nối nhân tài Việt Nam toàn cầu. Quy định rõ chế độ và lộ trình, định hướng đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học công nghệ hiện đại.

23. Sáng kiến 23: Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho Máy tính tương lai - Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai - Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ và máy tính thế hệ mới, từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ gốc. Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, tạo nền tảng cho các đột phá về trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn

- *Mục tiêu:* Từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho các đột phá trong trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn.

- *Nội dung:* Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực then chốt như tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ (neuromorphic computing) và các kiến trúc máy tính thế hệ mới. Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, tăng cường hợp tác và kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng nghiên cứu và thử nghiệm đồng bộ, nhằm từng bước làm chủ tri thức nền, công nghệ gốc, tạo tiền đề cho các ứng dụng đột phá.

24. Sáng kiến 24: Nền tảng thông tin và tri thức khoa học công nghệ dùng chung: Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ quốc gia, ứng dụng AI hỗ trợ nghiên cứu khoa học và sáng tạo

- *Mục tiêu:* Xây dựng và phát triển một nền tảng số quốc gia dùng chung, tích hợp dữ liệu, thông tin và tri thức khoa học công nghệ, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, đồng thời phục vụ hiệu quả công tác quản lý và đào tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- *Nội dung:* Xây dựng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ (bao gồm dữ liệu về nhiệm vụ, chuyên gia, công bố, sáng chế, hạ tầng...); phát triển Nền tảng quản lý R&D trực tuyến; xây dựng Thư viện số khoa học và công nghệ quốc gia; thiết lập Nền tảng kết nối chuyên gia khoa học và công nghệ; đồng thời, ứng dụng AI để hỗ trợ khai thác, phân tích dữ liệu, thông tin và tri thức khoa học công nghệ, phục vụ nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo.

25. Sáng kiến 25: Văn hoá đổi mới - Xây dựng hệ thống giá trị, môi trường và cơ chế thúc đẩy tinh thần sáng tạo, tôn vinh đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lan toả văn hoá đổi mới trong toàn xã hội; phát triển đội ngũ doanh nhân công nghệ; văn hoá doanh nhân công nghệ; xây dựng văn hoá trách nhiệm xã hội, phổ cập tri thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học

- *Mục tiêu:* Xây dựng và lan toả sâu rộng trong toàn xã hội một hệ thống giá trị, tư duy và môi trường khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chấp nhận rủi ro có tính toán và học hỏi từ thất bại. Qua đó, tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc, thúc đẩy đam mê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đưa đổi mới sáng tạo trở thành động lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

- *Nội dung:* Sáng kiến tập trung xây dựng và lan toả sâu rộng văn hoá đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội thông qua việc triển khai chiến lược truyền thông toàn diện nâng cao nhận thức, giáo dục tư duy sáng tạo và tinh thần dám nghĩ dám làm. Đồng thời, hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích chấp nhận rủi ro, thúc đẩy hợp tác và tạo không gian thử nghiệm ý tưởng mới. Sáng kiến cũng nhấn mạnh việc tôn vinh, ghi nhận kịp thời các đóng góp sáng tạo, phát triển mạnh mẽ các cộng đồng và mạng lưới đổi mới sáng tạo, cùng với vai trò tiên phong, gương mẫu của lãnh đạo các cấp, nhằm tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển đột phá của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

G- Nhóm các dự án đặc biệt quan trọng

(Đây là các dự án có quy mô, tầm vóc và cơ chế đặc biệt, cần được Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định)

26. Sáng kiến 26: AI quốc gia

Hình thành trung tâm đầu não về nghiên cứu, đào tạo và thử nghiệm AI, có cơ chế đặc thù, liên kết quốc tế, tự chủ tài chính; phát triển mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) dành riêng cho Tiếng Việt và bối cảnh văn hoá Việt, phục vụ ứng dụng AI vào giáo dục, pháp lý, y tế, hành chính công; thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình, giải pháp AI trong môi trường pháp lý được kiểm soát, tạo điều kiện cho đổi

mới sáng tạo; tích hợp chương trình AI trong các cấp học, mở rộng đào tạo đại trà kỹ năng AI cơ bản cho học sinh - sinh viên; tạo quỹ AI quốc gia, mời gọi các tập đoàn công nghệ đầu tư cùng chính phủ phát triển nền tảng AI hạ tầng, AI điện toán đám mây, siêu máy tính AI; phát triển nguồn nhân lực thiết kế, sản xuất chip AI chuyên dụng, làm chủ công nghệ đóng gói tiên tiến phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn.

27. Sáng kiến 27: Công nghệ gen chữa bệnh

Làm chủ công nghệ gen và AI trong y học chính xác, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân; hợp tác quốc tế nghiên cứu, phát triển công nghệ AI trong thiết kế thuốc và phác đồ điều trị một số bệnh phổ biến, bảo đảm tiếp cận các thành tựu y học hiện đại.

28. Sáng kiến 28: Công nghệ năng lượng nguyên tử

Làm chủ công nghệ lưu trữ, vận chuyển chất phóng xạ và nghiên cứu, phát triển lò phản ứng nguyên tử cỡ nhỏ, bảo đảm an toàn và phục vụ dân sinh hướng tới các vấn đề năng lượng tương lai, kỹ thuật thăm dò, chăm sóc sức khỏe, tạo giống mới.

29. Sáng kiến 29: Công nghệ đường sắt cao tốc Bắc Nam

Nghiên cứu, phát triển các công nghệ liên quan tới đường sắt cao tốc phù hợp với điều kiện địa hình, môi trường Việt Nam, gắn với phát triển các siêu đô thị thông minh.

30. Sáng kiến 30: Công nghệ chế tạo thiết bị không người lái và Robot phục vụ an ninh - quốc phòng và sản xuất tự động

Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi gồm công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, trí tuệ nhân tạo biên (Edge AI), định vị - dẫn đường, an ninh mạng; thiết kế, chế tạo thiết bị không người lái, robot hiện đại, đa năng; phát triển hệ thống vệ tinh viễn thám và vệ tinh thông tin liên lạc quốc gia phục vụ an ninh - quốc phòng. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng dân sự, đặc biệt là phát triển robot làm việc tự động tại nhà máy, khu công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, hình thành mô hình nhà máy "không đèn - không người - làm việc liên tục", góp phần hiện đại hoá sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

PHỤ LỤC II
Hệ thống chỉ tiêu đo lường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW
(Kèm theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025
của Ban Chỉ đạo Trung ương)

A- NGUYÊN TẮC VÀ CẤU TRÚC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU

1. Nguyên tắc xây dựng

- Bảo đảm bám sát mục tiêu tổng thể, định hướng chiến lược của Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời gắn kết chặt chẽ với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong các văn bản triển khai của Chính phủ (Nghị quyết số 71/NQ-CP), Quốc hội và các cơ quan có liên quan.

- Tập trung đo lường kết quả và tác động thực chất; làm rõ mức độ hoàn thành mục tiêu đề ra. Ưu tiên sử dụng các chỉ số đầu ra (outputs) và kết quả (outcomes), hạn chế sử dụng các chỉ số đầu vào (inputs) nhằm phản ánh đúng hiệu quả thực thi chính sách.

- Cấu trúc hệ thống chỉ tiêu theo 06 Hệ thống Chiến lược trọng yếu đã xác định tại Kế hoạch hành động chiến lược, bảo đảm phù hợp với cơ chế giám sát, điều phối và chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Bảo đảm tính khả thi và khả năng đo lường cụ thể; chỉ tiêu phải gắn với thực tiễn triển khai, có nguồn dữ liệu rõ ràng phục vụ việc tính toán, đánh giá và báo cáo kết quả.

- Gắn kết chỉ tiêu với các Sáng kiến đột phá và Dự án đặc biệt quan trọng để tập trung nguồn lực chỉ đạo, tháo gỡ điểm nghẽn trong quá trình thực hiện.

- Bảo đảm tuân thủ nguyên tắc SMART, theo đó các chỉ tiêu cần: Cụ thể (Specific), đo lường được (Measurable), khả thi (Achievable), liên quan (Relevant) và có thời hạn rõ ràng (Time-bound), tương ứng với các mốc thời gian đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cấu trúc hệ thống chỉ tiêu

Hệ thống chỉ tiêu đo lường việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được thiết kế theo 4 tầng cấp độ, bảo đảm tính hệ thống, logic và liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu cụ thể và dữ liệu thực tiễn. Cấu trúc này cho phép theo dõi, giám sát, đánh giá và điều hành triển khai một cách đồng bộ, toàn diện và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Cụ thể:

- *Thứ nhất, mục tiêu chiến lược quốc gia:* Là các định hướng chiến lược cao nhất, do Bộ Chính trị xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, thể hiện tầm nhìn dài hạn, khát vọng phát triển đất nước và đóng vai trò kim chỉ nam cho toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện. Đây là đích đến tổng thể mà toàn hệ thống chính trị cần phấn đấu đạt được.

- *Thứ hai, chỉ tiêu cụ thể:* Là sự lượng hoá các mục tiêu chiến lược quốc gia thành các kết quả cần đạt được trong từng giai đoạn cụ thể (đến năm 2030 và tầm

nhìn đến năm 2045). Các chỉ tiêu này được Chính phủ xác định trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và cụ thể hoá trong các kế hoạch, chương trình hành động của bộ, ngành, địa phương và các chủ thể liên quan. Đây là hệ thống mục tiêu cần đạt, có khả năng đo lường, làm căn cứ để kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả triển khai.

- *Thứ ba, chỉ số đo lường hệ thống (KPIs)*: Là các chỉ số cốt lõi phản ánh mức độ hiệu quả trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thông qua việc vận hành 6 Hệ thống Chiến lược trọng yếu đã xác định trong Kế hoạch hành động chiến lược. Các KPIs phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện, đồng thời hỗ trợ Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc điều phối tổng thể, nhận diện điểm nghẽn và chỉ đạo xử lý kịp thời.

- *Thứ tư, chỉ số tác nghiệp (OIs)*: Là các chỉ số chi tiết, phản ánh dữ liệu gốc phát sinh từ hoạt động thực tiễn của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị liên quan. Đây là tầng dữ liệu đầu vào quan trọng, là cơ sở để tổng hợp, phân tích, tính toán KPIs và các chỉ tiêu cụ thể, phục vụ báo cáo và đánh giá khách quan tiến độ, kết quả triển khai.

Việc thiết kế hệ thống chỉ tiêu theo cấu trúc bốn tầng nêu trên nhằm bảo đảm tính khoa học, khả thi và vận hành hiệu quả trong công tác theo dõi, giám sát và điều hành quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

B- MỐI QUAN HỆ PHÂN CẤP VÀ LIÊN KẾT CÁC CHỈ TIÊU

Hệ thống chỉ tiêu đo lường việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính phân cấp rõ ràng và tính liên kết chặt chẽ giữa các tầng cấp chỉ tiêu. Việc phân công, phối hợp thực hiện được xác lập phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể, đồng thời phục vụ yêu cầu giám sát, điều hành tập trung, thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, các mục tiêu chiến lược quốc gia được xác lập tại Nghị quyết số 57-NQ/TW là căn cứ để các cơ quan trong hệ thống chính trị, bao gồm Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan cụ thể hoá thành các chỉ tiêu cụ thể, lồng ghép trong kế hoạch hành động, nghị quyết, chương trình của mình nhằm tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- *Thứ hai*, công tác theo dõi, giám sát và điều phối thực hiện được triển khai thông qua 6 Hệ thống Chiến lược trọng yếu, với các Chỉ số đo lường hệ thống (KPIs) do Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp theo dõi, chỉ đạo. Các KPIs có vai trò phản ánh hiệu quả vận hành tổng thể và hỗ trợ điều hành chiến lược trên phạm vi toàn quốc.

- *Thứ ba*, luồng dữ liệu và báo cáo được tổ chức theo quy trình thống nhất, liên thông từ cơ sở đến Trung ương. Dữ liệu gốc được thu thập từ hoạt động thực tiễn của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; được các đơn vị chức năng xử lý, tổng hợp và tính toán, làm cơ sở để báo cáo các chỉ tiêu cụ thể và KPIs hệ thống lên Ban Chỉ đạo Trung ương, phục vụ việc đánh giá tổng thể mức độ hoàn thành các mục tiêu chiến lược quốc gia.

- *Thứ tư*, luồng chỉ đạo, điều hành được thiết kế theo mô hình đồng bộ, nhất quán. Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành Kế hoạch hành động chiến lược, thực

hiện chỉ đạo chiến lược và phân cấp nhiệm vụ cho các chủ thể thực hiện. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, tổ chức triển khai, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và chịu sự giám sát, kiểm tra, đánh giá của Ban Chỉ đạo Trung ương. Căn cứ kết quả thực hiện và báo cáo tổng hợp, Ban Chỉ đạo sẽ xem xét điều chỉnh, tháo gỡ điểm nghẽn và tiếp tục chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tiễn.

Việc bảo đảm mối quan hệ phân cấp và liên kết chặt chẽ trong toàn bộ hệ thống chỉ tiêu là yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá và điều hành triển khai. Đồng thời, cơ chế này góp phần bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương, song song với việc phát huy vai trò chủ động, linh hoạt và sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện. Các bảng chỉ tiêu chi tiết sẽ được điều hành theo cơ chế linh hoạt, cập nhật theo thời gian và quản lý tập trung trên Hệ thống thông tin quản lý triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa chỉ: <https://www.nq57.vn>.

C- CÁCH THỨC SỬ DỤNG VÀ GẮN KẾT

Hệ thống chỉ tiêu đo lường được sử dụng như một công cụ cốt lõi phục vụ công tác chỉ đạo, giám sát, đánh giá và điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương, đồng thời thúc đẩy sự phối hợp đồng bộ của toàn hệ thống chính trị. Cách thức sử dụng và gắn kết được xác định như sau:

1. Bảng điều khiển giám sát chiến lược (Dashboard)

- Hệ thống chỉ tiêu, đặc biệt là các chỉ tiêu cụ thể trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và các chỉ số đo lường hệ thống (KPIs), là cơ sở cốt lõi để xây dựng Bảng điều khiển điện tử (Dashboard) theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên phạm vi toàn quốc.

- Bảng điều khiển được tích hợp trên nền tảng số, phục vụ trực tiếp cho Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và các cấp có thẩm quyền trong việc nắm bắt tình hình tổng thể, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời.

2. Xác định trách nhiệm triển khai và cung cấp dữ liệu

- Trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu do Nghị quyết số 71/NQ-CP và các văn bản liên quan quy định thuộc về các bộ, ngành, địa phương và cơ quan được phân công.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm thu thập, cập nhật, tổng hợp và báo cáo dữ liệu thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất, gửi về Chính phủ, Quốc hội và Ban Chỉ đạo Trung ương (thông qua Cơ quan Thường trực).

- Ban Chỉ đạo Trung ương sử dụng các KPIs để theo dõi hiệu quả tổng thể và đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể liên quan.

3. Liên kết Chỉ đạo chiến lược và trọng tâm đột phá

- Các KPIs của từng Hệ thống Chiến lược (hệ thống 1 - hệ thống 6) phản ánh mức độ đóng góp vào mục tiêu tổng thể của Nghị quyết số 57-NQ/TW, là căn cứ để Ban Chỉ đạo đánh giá hiệu quả từng lĩnh vực chiến lược.

- Các Sáng kiến đột phá và Dự án đặc biệt quan trọng là các trọng tâm được ưu tiên tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tháo gỡ rào cản. Việc theo dõi KPIs có liên quan trực tiếp tới các Sáng kiến/Dự án đặc biệt quan trọng giúp đánh giá mức độ tác động và hiệu quả của các giải pháp trọng điểm đang triển khai.

- Trường hợp KPIs liên quan đến Sáng kiến/Dự án đặc biệt quan trọng không đạt yêu cầu, Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo rà soát nguyên nhân, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp.

4. Công cụ giám sát, đánh giá và điều phối của Ban Chỉ đạo Trung ương

Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc sử dụng hệ thống chỉ tiêu để:

- Theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (bao gồm cả Nghị quyết số 71/NQ-CP, các kế hoạch và chương trình hành động của Quốc hội và các cơ quan có liên quan...).

- Phát hiện sớm các điểm nghẽn, vướng mắc liên ngành, liên cấp hoặc liên quan đến thể chế, chính sách.

- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp, cơ chế đang triển khai.

- Đưa ra quyết định điều chỉnh định hướng chiến lược, phân bổ nguồn lực và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

- Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình và kết quả thực hiện một cách khách quan, toàn diện.

5. Thúc đẩy cải thiện Hệ thống Dữ liệu quốc gia

- Việc triển khai giám sát theo hệ thống chỉ tiêu đòi hỏi dữ liệu đầy đủ, chính xác, cập nhật và liên thông giữa các cấp, các ngành. Quá trình này sẽ làm nổi bật các khoảng trống, bất cập trong hệ thống dữ liệu hiện hành, từ đó tạo động lực cải thiện công tác thống kê, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên phạm vi quốc gia.

- Hệ thống dữ liệu được nâng cấp không chỉ phục vụ riêng cho Nghị quyết số 57-NQ/TW mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

6. Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu

- Hệ thống chỉ tiêu cần được rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm tính phù hợp, khả thi và sát với yêu cầu thực tiễn.

- Việc xác định nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán và tần suất báo cáo của từng chỉ số phải được quy định rõ ràng, đồng bộ và thống nhất, bảo đảm cho hệ thống vận hành ổn định và hiệu quả.
